



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (“Ngân hàng”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00111-25-3



Đàm Xuân Lâm
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3065-2024-007-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

3011
CÔNG
CH NH
KP
TỬ LIỆ

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02/TCTD
 (Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2024 Triệu VND</i>	<i>31/12/2023 Triệu VND</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	311.891	246.726
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	6	1.798.713	166.739
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	23.674.974	29.303.412
Tiền gửi tại các TCTD khác		22.834.278	26.058.749
Cho vay các TCTD khác		840.696	3.244.663
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	43.143	61.262
Cho vay khách hàng		38.705.032	32.410.577
Cho vay khách hàng	9	39.109.664	32.738.473
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(404.632)	(327.896)
Chứng khoán đầu tư	11	1.016.919	1.028.309
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	399.995	399.986
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	616.924	628.323
Tài sản cố định		397.622	432.788
Tài sản cố định hữu hình	12	173.930	201.072
<i>Nguyên giá</i>		386.296	378.930
<i>Khấu hao lũy kế</i>		(212.366)	(177.858)
Tài sản cố định vô hình	13	223.692	231.716
<i>Nguyên giá</i>		422.712	389.651
<i>Hao mòn lũy kế</i>		(199.020)	(157.935)
Tài sản Có khác	14	503.401	1.435.418
Các khoản phải thu	14.1	276.583	1.152.758
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	146.414	232.071
Tài sản Có khác	14.3	81.558	50.589
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14.4	(1.154)	-
TỔNG TÀI SẢN CÓ		66.451.695	65.085.231

148
 TY
 HỮU
 IG
 - 3 -

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02/TCTD

(Ban hành theo Thông tư số
 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2024 Triệu VND</i>	<i>31/12/2023 Triệu VND</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các TCTD khác	15	19.587.569	10.628.716
Tiền gửi của các TCTD khác		19.072.082	5.293.683
Vay các TCTD khác		515.487	5.335.033
Tiền gửi của khách hàng	16	28.951.144	42.360.309
Các khoản nợ khác	17	815.291	777.487
Các khoản lãi, phí phải trả		178.404	421.235
Các khoản phải trả và công nợ khác		636.887	356.252
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		49.354.004	53.766.512
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn chủ sở hữu		12.500.000	7.700.000
Vốn điều lệ		12.500.000	7.700.000
Các quỹ của TCTD		762.480	542.808
Lợi nhuận chưa phân phối		3.835.211	3.075.911
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	17.097.691	11.318.719
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.451.695	65.085.231



Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02/TCTD

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2024</i> <i>Triệu VND</i>	<i>31/12/2023</i> <i>Triệu VND</i>
Cam kết giao dịch hối đoái	32	21.397.541	22.930.568
- Cam kết mua ngoại tệ		10.703.529	11.463.727
- Cam kết bán ngoại tệ		10.694.012	11.466.841
Cam kết giao dịch hoán đổi	32	41.560.817	28.961.785
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C)	32	1.858.263	1.181.787
Cam kết cho vay không hủy ngang	32	1.715	1.638
Bảo lãnh khác	32	4.733.335	5.545.549
Các cam kết khác	32	1.062.207	2.054.826
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	33	74.882	37.958
Nợ khó đòi đã xử lý	34	404.239	382.923

Người lập:

Ông Trần Thanh Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông PARK JONGIL
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

28-03-2025

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B03/TCTD

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Năm 2023 Triệu VND</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	3.445.395	3.212.979
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(1.367.939)	(1.145.312)
Thu nhập lãi thuần		2.077.456	2.067.667
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		185.652	183.647
Chi phí hoạt động dịch vụ		(106.929)	(86.648)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	23	78.723	96.999
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	466.420	473.517
Thu nhập từ hoạt động khác		6.254	5.679
Chi phí cho hoạt động khác		(8.944)	(6.645)
Lỗ thuần từ hoạt động khác	25	(2.690)	(966)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	26	(1.160.152)	(1.051.039)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.459.757	1.586.178
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	27	(80.964)	(80.834)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		1.378.793	1.505.344
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	(280.432)	(310.176)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(280.432)	(310.176)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.098.361	1.195.168

Người lập:



Ông Trần Thanh Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông PARK JONGIL
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
28 -03- 2025

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD

(Ban hành theo Thông tư số

49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Năm 2023 Triệu VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	3.531.052	3.212.896
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.610.770)	(771.896)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	78.723	96.999
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	466.420	473.517
Chi phí khác	(2.723)	(966)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	33	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.089.695)	(975.975)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	18 (243.777)	(352.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động	1.129.263	1.681.901
Những thay đổi về tài sản hoạt động	1.677.482	(4.723.583)
Giảm/(tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7.177.032	(1.487.526)
Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	11.390	11.267
Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh	18.119	(18.538)
Tăng các khoản cho vay khách hàng	(6.371.191)	(3.445.622)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản cho vay khách hàng	(3.074)	(8.817)
Giảm khác về tài sản hoạt động	845.206	225.653
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động	(4.206.332)	1.342.297
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	8.958.853	3.455.443
Giảm tiền gửi của khách hàng	(13.409.165)	(2.207.606)
Tăng các khoản nợ khác	243.980	94.460
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.399.587)	(1.699.385)

Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Mẫu B04/TCTD

(Ban hành theo Thông tư số

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2024 Triệu VND</i>	<i>Năm 2023 Triệu VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(35.291)	(66.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.291)	(66.939)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		4.800.000	-
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ		(119.389)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.680.611	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.245.733	(1.766.324)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		20.987.419	22.753.743
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	28	24.233.152	20.987.419

Người lập:


Ông Trần Thanh Vinh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Ông PARK JONGIL
Tổng Giám đốcHà Nội, Việt Nam
28 -03- 2025